TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2025/HS- PT
Ngày: 31/7/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Văn Bản.

Thẩm phán: Ông Đặng Đình Hưng và bà Vũ Thị An.

- Thư ký phiên toà: Bà Diệp Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Phùng Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025 tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 32/2025/TLPT-HS ngày 12/5/2025 do có kháng cáo của bị cáo Trần Như N đối với bản án hình sự sơ thẩm số 29/2025/HS-ST ngày 25/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

***Bị cáo có kháng cáo:** Trần Như N; Tên gọi khác: Không. Sinh năm 1979; Giới tính: Nam.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: xóm G, xã P, thành phố P, Thái Nguyên (Nay là xã Đ, tỉnh Thái Nguyên). Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Công chức. Chức vụ trước khi phạm tội: Phó chủ tịch UBND xã P (Quyền chủ tịch UBND xã P). Là đảng viên đã bị khai trừ ra khỏi đảng theo Quyết định 4209/QĐ- TU ngày 04/11/2024 của Thành ủy P. Con ông Trần Văn Đ, sinh năm 1940 (Đã chết), con bà Trần Thị N1, sinh năm 1943. Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ năm; Có vợ Lê Thị M, sinh năm 1980, vợ chồng có 02 con chung, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Tạm giam" từ ngày 24/01/2024 đến ngày 31/03/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ "Tạm giam" sang "Bảo lĩnh". Hiện bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú.

(Có mặt tại phiên tòa)

Ngoài ra còn có bị cáo khác, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị (Tòa không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đầu năm 2022 các xóm trên địa bàn xã P, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên đã đăng ký xây dựng đường giao thông. Công trình đường Giao thông nông thôn (viết tắt là GTNT) xóm A, xã P năm 2022 được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thành phố P phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật (viết tắt là KTKT) xây dựng công trình tại quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 về việc phê duyệt Báo cáo KTKT xây dựng công trình: Đường G, xã P năm 2022. Nội dung phê duyệt cụ thể:

Quy mô xây dựng: Đổ mặt đường bê tông xi măng mác 200, đá 2x4 với chiều dài 1650m (đoạn từ nhà ông H T đến nhà ông H1), chiều rộng 5,0m và chiều dày 0,16m.

Chủ đầu tư: UBND xã P (T có chức vụ là Quyền Chủ tịch UBND xã P). Tổng mức đầu tư công trình 2.101.563.832 đồng. Trong đó: Chi phí xây dựng 2.001.489.364 đồng, chi phí dự phòng 100.074.468 đồng. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 80% giá trị công trình, huy động vốn góp hợp pháp khác 20% giá trị công trình.

Ngày 19/9/2022, UBND thành phố P đã ra Quyết định số 5989/QĐ-UBND về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Đường G, xã P năm 2022.

Đến ngày 20/9/2022, công trình đường G, xã P năm 2022 được khởi công và hoàn thành đưa vào sử dụng từ ngày 02/11/2022 cho đến nay. Công trình trên đã được UBND thành phố P phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 8705/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình đường G, xã P năm 2022, giá trị công trình được phê duyệt quyết toán là 1.694.568.000 đồng, trong đó: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ là 1.355.654.000 đồng, huy động nhân dân đóng góp là 338.914.000 đồng. Ngân sách Nhà nước hỗ trợ bằng cấp xi măng PCB30 Cao Ngạn khối lượng 400 tấn là 538.720.000 đồng, hỗ trợ bằng tiền mặt là 816.934.000 đồng**.** Tại thời điểm trước, trong, sau khi thi công và quyết toán công trình trên Trần Như N đang giữ chức vụ quyền Chủ tịch UBND xã P; Trần Văn Q là Chủ tịch Ủy ban mặt trận tổ quốc xã P; Nguyễn Văn T1 là Trưởng xóm A, xã P và Nguyễn Thị H2 là công dân xóm H, xã P không có chức vụ quyền hạn.

Ngày 27/9/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P tiếp nhận "Đơn phản ánh" đề ngày 26/9/2023, người gửi là tập thể người dân sinh sống tại xã P. Nội dung đơn nêu "Tháng 9 năm 2022, UBND xã P có tiến hành làm đường bê tông tại xóm A, xã P, đoạn đường đi vào chùa P1. Việc thi công đường bê tông là do bà Nguyễn Thị H2 ở xóm H, xã P thực hiện. Đến đầu tháng 11 năm 2022 thì tuyến đường trên được đi vào sử dụng. Hiện nay, tuyến đường

trên đã bị bong chóc, bề mặt đường lộ đá, xuống cấp nghiêm trọng tôi đặt vấn đề không biết chất lượng đường bê tông có đúng quy chuẩn theo thiết kế hay không? Theo tôi được biết trong thiết kế đường thì bê tông là mác 200, giữa các khe co giãn có ván gỗ và đổ nhựa đường, tuy nhiên thực tế không có ván gỗ và nhựa đường. Tôi thấy việc xây dựng đường bê tông không đạt chất lượng có dấu hiệu rút ruột công trình, ăn cắp xi măng của nhà nước cấp. Trong khi đó chính quyền xã P buông lỏng quản lý, không có sự giám sát trong quá trình thi công làm đường bê tông, bỏ mặc cho bà H2 thi công dẫn đến hậu quả đường bê tông vừa đưa vào sử dụng một thời gian ngắn đã hư hỏng, xuống cấp, người dân như chúng tôi rất bức xúc".

Sau khi tiếp nhận đơn phản ánh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã tiến hành điều tra xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật và làm việc với những người có liên quan đã xác định, các sai phạm trong quá trình thi công công trình như sau:

Trên hồ sơ thi công, quyết toán công trình đường G, xã P năm 2022 thể hiện việc thi công công trình do Đội xây dựng địa phương thực hiện theo Quyết định số 2009/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của UBND xã P. Tuy nhiên, trên thực tế việc thi công công trình trên được giao cho Nguyễn Thị H2 thực hiện. Ngày 27/5/2022, tại UBND xã P đã tổ chức cuộc họp gồm các thành phần Đảng ủy, Hội đồng nhân dân xã P, UBND xã P, chính quyền và cấp ủy xóm A, xóm B, xã P tiến hành thống nhất các nội dung triển khai công tác giải phóng mặt bằng để thi công công trình Đường G, xã P năm 2022. Tiếp tục ngày 04/8/2022, tại UBND xã P đã tổ chức cuộc họp gồm các thành phần như cuộc họp ngày 27/5/2022 và có mặt Nguyễn Thị H2, tại cuộc họp thống nhất giao cho H2 trực tiếp tiến hành tổ chức thi công công trình Đường G, xã P năm 2022 và ông Nguyễn Văn T1 (T) sẽ đứng tên là Đội trưởng Đội xây dựng địa phương để ký hợp đồng xây dựng công trình với UBND xã P để hoàn thiện hồ sơ theo quy định của pháp luật. UBND xã P đã có Quyết định số 2009/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 về việc thành lập Đội xây dựng công trình Đường G, xã P năm 2022 gồm 08 thành viên do ông Nguyễn Văn T1 làm Đội trưởng đội xây dựng. Tuy nhiên, 07 thành viên còn lại trong Đội xây dựng chỉ có họ tên và không có thông tin gì khác, qua làm việc với Công an xã P xác định tại xã P không có người có thông tin như trong Quyết định số 2009/QĐ-UBND.

Trong quá trình thi công công trình, việc thi công các khe co giãn thực hiện bằng phương pháp cắt sau khi thi công đổ bê tông toàn bộ tuyến đường, đội xây dựng đã không sử dụng ván gỗ làm khe co giãn và nhựa đường làm khe co giãn như Báo cáo KTKT – Thiết kế công trình đã được phê duyệt, tuy nhiên đội xây dựng và cán bộ giám sát vẫn ký nghiệm thu khống khối lượng gỗ làm khe co giãn và nhựa đường làm khe co giãn để đưa vào hồ sơ quyết toán công trình và đã được phòng tài chính kế hoạch thành phố P quyết toán vào giá trị công trình.

Trong các biên bản nghiệm thu vật liệu trước khi đưa vào sử dụng và nghiệm thu công trình là do ông T1 và ông Q ký. Thực tế ông T1 và ông Q chỉ ký tên vào biên bản để hợp thức việc làm hồ sơ quyết toán công trình, việc nghiệm thu công trình không được thực hiện theo đúng quy định.

Qua làm việc với các cá nhân có tên trong Ban giám sát của công trình Đường G, xã P năm 2022, tất cả đều khai nhận có thực hiện việc giám sát, tuy nhiên chỉ thực hiện giám sát việc đổ đường bê tông đủ chiều dày là 16cm và bề rộng là 05m, còn chất lượng của bê tông như thế nào thì các thành viên đều không biết.

Qua làm việc với Công ty CP C (Có địa chỉ tại xã C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên) là đơn vị cung cấp xi măng cho công trình đường G, xã P và các lái xe vận chuyển xi măng của Công ty, đại diện Công ty đã cung cấp các tài liệu có liên quan và đã bàn giao đủ 400 tấn xi măng PCB30 Cao Ngạn, ngày giao hàng đầu tiên vào ngày 24/9/2022 và ngày giao hàng cuối cùng vào ngày 24/11/2022 (quá trình giao hàng có đầy đủ phiếu giao hàng và ký nhận). Qua đối chiếu với các biên bản nghiệm thu xác định ngày giao xi măng không trùng với ngày trên biên bản nghiệm thu vật liệu trước khi đưa vào sử dụng ngày 20/9/2022 và biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng để đưa vào sử dụng ngày 02/11/2022 .

Quá trình xác minh xác định Hồ sơ quyết toán công trình đường G, xã P năm 2022 là do Nguyễn Thị H2 thuê kế toán (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) để thực hiện. Sau đó, H2 chuyển hồ sơ Quyết toán cho ông Nguyễn Văn T2 – Kế toán Ngân sách xã P để thực hiện thanh quyết toán cho đơn vị thi công công trình xây dựng.

Nhân dân không đóng góp số tiền 338.914.000 đồng (20% tiền đối ứng xây dựng công trình).

Cơ quan điều tra đã tiến hành sao kê tài khoản ngân hàng số 101002271759 mang tên NGUYEN THI HIEN (là tài khoản ngân hàng của Nguyễn Thị H2) tại Ngân hàng V chi nhánh T3, các tài liệu do Nguyễn Văn T1 cung cấp và xác minh tại Kho bạc Nhà nước P2, kết quả xác định ngày 27/12/2022 T1 đã nhận được số tiền 816.934.000 đồng (Tám trăm mười sáu triệu chín trăm ba mươi tư nghìn đồng) là tiền quyết toán công trình do Kho bạc Nhà nước P2 chuyển theo Giấy đề nghị thanh toán vốn số 02/221226_7982031_2263003 ngày 26/12/2022, cùng ngày T1 đã chuyển toàn bộ số tiền trên cho H2.

Tại bản Kết luận giám định số 02/KLGĐ-TTKĐ ngày 02/01/2024 của Trung tâm K về hồ sơ dự toán, nghiệm thu, quyết toán và chất lượng công trình xây dựng của công trình Đường G, xã P năm 2022 xác định:

Xác định tính đúng đắn, hợp lý của hồ sơ dự toán, thi công, quyết toán công trình: Dự toán được duyệt sử dụng đơn giá AF.82411 (ván khuôn thép mặt đường bê tông) đơn giá theo dự toán được duyệt là 26.299.632 đồng. Hợp đồng

thi công xây dựng số 2009/2022/HDXD ngày 20/9/2022 giữa UBND xã P và Đội xây dựng địa phương, xã P thì lại chiết tính theo đơn giá AF.81211 (ván khuôn gỗ nền, sân bãi, mặt đường bê tông, mái taluy). Giá trị quyết toán của công việc này là 34.080.953 đồng. Giá trị thiệt hại do việc sử dụng sai định mức đơn giá đã gây thiệt hại so với hồ sơ quyết toán là **7.781.321** đồng (Bảy triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn ba trăm hai mươi mốt đồng).

Xác định khối lượng, chất lượng công trình đã thi công thực tế so với hồ sơ quyết toán đã được phê duyệt:

+ Khối lượng bê tông thực tế thi công ít hơn khối lượng bê tông đã quyết toán là 17,7 m² và số ván khuôn gỗ, ván khuôn nền ít hơn so với số liệu đã quyết toán là 0,0394 m² gây thiệt hại tổng số tiền là 21.399.320 đồng. Khối lượng công trình theo hồ sơ kiểm định thì chiều dài thiếu 02 m so với thiết kế, giá trị chênh lệch (tăng) so với quyết toán là 1.952.723 đồng. Khối lượng đường không đảm bảo yêu cầu theo hồ sơ thiết kế gây thiệt hại tổng số tiền là **23.352.043** đồng (Hai mươi ba triệu ba trăm năm mươi hai nghìn không trăm bốn mươi ba đồng).
+ Tổng chiều dài tuyến không đạt yêu cầu so với mác thiết kế 200daN/cm² là 650,3m có giá trị theo đơn giá quyết toán được số tiền là **634.928.157** đồng (Sáu trăm ba mươi tư triệu chín trăm hai mươi tám nghìn một trăm năm mươi bảy đồng).

Thiệt hại của việc thi công khe co giãn thực hiện bằng phương pháp cắt sau khi thi công đổ bê tông toàn bộ tuyến đường, không sử dụng ván gỗ làm khe co giãn và nhựa đường làm khe co giãn theo hồ sơ thiết kế, quyết toán đã được phê duyệt: Việc không sử dụng gỗ ván và nhựa đường làm khe co giãn theo thiết kế làm giá trị quyết toán tăng lên số tiền là 77.654.280 đồng. Đơn vị thi công sử dụng máy cắt để cắt mặt đường bê tông tạo khe co giãn, chi phí cho công tác này là 22.745.901 đồng. Giá trị thiệt hại so với hồ sơ quyết toán là **54.908.379** đồng (Năm mươi tư triệu chín trăm linh tám nghìn ba trăm bảy mươi chín đồng).

Tổng giá trị thiệt hại theo Kết luận giám định là **720.969.900 đồng** (bảy trăm hai mươi triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm đồng).

Trách nhiệm của chủ đầu tư: Lựa chọn các tổ chức, cá nhân chưa đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện việc thi công xây dựng công trình, giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

Không tổ chức lập hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định tại khoản 11, Điều 14 Nghị định 06/2021/NĐ-CP. Không tạm dừng hoặc đình chỉ thi công xây dựng khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng chưa đảm bảo yêu cầu theo quy định tại khoản 12, Điều 14 Nghị định 06/2021/NĐ-CP. Chưa tổ chức lập hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP. Do đó việc nghiệm thu, thanh quyết toán các loại vật tư, vật liệu chưa đúng với thực tế thi công xây dựng công trình.

Hợp đồng thi công xây dựng: Chưa quy định số lượng, chủng loại, các yêu cầu kỹ thuật của vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị trong hợp đồng với nhà thầu cung ứng, nhà thầu sản xuất, chế tạo phù hợp với yêu cầu của thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật áp dụng cho công trình (quy định tại Điểm a, khoản 4, Điều 12, Nghị định 06/2021/NĐ-CP).

Chưa chấp thuận các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

Chưa thực hiện công tác giám sát thi công xây dựng theo quy định tại Điều 19, Nghị định 06/2021/NĐ-CP: Chưa tổ chức thí nghiệm đối chứng theo quy định tại khoản 9 Điều 14 Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

Trách nhiệm của đơn vị thi công: Việc thi công không đảm bảo chất lượng công trình thuộc trách nhiệm của đơn vị thi công. Đơn vị thi công chưa thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của mình theo Điều 13 Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 bao gồm:

Chưa lập và thông báo cho chủ đầu tư và các chủ thể liên quan về hệ thống quản lý thi công xây dựng của nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị Định 06/2021/NĐ-CP.

Nhà thầu thi công chưa trình chủ đầu tư chấp thuận các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định 06/2021/NĐ-CP. Không lập Hồ sơ bản vẽ hoàn công theo quy định tại Phụ lục số IIb ban hành kèm theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP dẫn đến việc nghiệm thu, quyết toán chưa đúng với thực tế.

Trách nhiệm của đơn vị tư vấn giám sát: Việc nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu khối lượng hoàn thành, nghiệm thu vật liệu đầu vào thuộc trách nhiệm của tư vấn giám sát. Tư vấn giám sát chưa thực hiện đúng nội dung giám sát quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 120 Luật Xây dựng số 50 và Điều 19 Nghị định 06/2021/NĐ-CP. Giám sát thi công xây dựng cần rà soát các nội dung về các căn cứ nghiệm thu, biện pháp quản lý hồ sơ tài liệu trong quá trình giám sát và nội dung cần thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và quy định tại Điều 19 Nghị định 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Chưa kiểm tra các hạng mục công trình đã thi công có phù hợp theo thiết kế được duyệt hay không, chưa xác nhận bản vẽ hoàn công theo quy định tại khoản 5, Điều 2, Nghị định 06/2021/NĐ-CP và Phụ lục IIb ban hành kèm theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

Chưa lập báo cáo giám sát theo quy định tại phụ lục số IVb ban hành kèm theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

Tại văn bản trả lời số 11/CV-TTKĐ ngày 11/01/2024 của Trung tâm K xác định tuyến đường không đạt yêu cầu so với thiết kế là 650,3 m không đủ điều kiện để nghiệm thu, thanh toán, quyết toán căn cứ vào các Điều 13, 14, 19 Nghị định 06/2021/NĐ-CP. Đối với khối lượng công trình không đạt căn cứ theo quy

định của Nghị định 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng.

Quá trình điều tra Trần Như N, Trần Văn Q, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Thị H2 khai nhận như sau:

Trần Như N khai: Việc thi công công trình thực tế do Nguyễn Thị H2 phụ trách, việc ký Quyết định giao cho Đội xây dựng địa phương do ông Nguyễn Văn T1 làm đội trưởng chỉ để hoàn thiện hồ sơ theo quy định của pháp luật. N là người chủ trì cuộc họp thống nhất giao việc thi công công trình này cho Nguyễn Thị H2, trong khi đó Nguyễn Thị H2 không đủ năng lực nhận thầu thi công công trình. Quá trình xây dựng công trình, N có đến hiện trường kiểm tra thấy nhà thầu trộn bê tông bằng máy xúc, không trộn bằng máy trộn bê tông chuyên dụng theo như báo cáo KTKT, dẫn đến bê tông đổ không đảm bảo chất lượng. Trong quá trình thi công N đã không yêu cầu nhà thầu lấy mẫu và kiểm định đối chứng mẫu dẫn đến không phát hiện chất lượng bê tông không đạt để yêu cầu nhà thầu tạm dừng thi công, khắc phục. Khối lượng công trình không đạt yêu cầu chất lượng theo thiết kế sẽ không đủ điều kiện để nghiệm thu, thanh, quyết toán. Tuy nhiên toàn bộ khối lượng này đã được chủ đầu tư, giám sát và nhà thầu nghiệm thu và đưa vào quyết toán, toàn bộ giá trị công trình đã được quyết toán và thanh toán cho nhà thầu. Giá trị công trình được phê duyệt quyết toán là 1.694.568.000 đồng, trong đó: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ là 1.355.654.000 đồng (tiền xi măng là 538.720.000 đồng, tiền mặt là 816.934.000 đồng), huy động nhân dân đóng góp là 338.914.000 đồng. Trên thực tế số tiền đối ứng thi công 338.914.000đ nhân dân không đóng góp bằng tiền. Số tiền 816.934.000đ đã chi cho Nguyễn Văn T1, T1 đã trả cho bà H2 toàn bộ số tiền trên. Trên hồ sơ nghiệm thu, quyết toán công trình thể hiện thời gian khởi công công trình là ngày 20/9/2022, ngày kết thúc là 02/11/2022. Tuy nhiên thời gian thực tế và kết thúc không đúng theo hồ sơ nghiệm thu. Việc mua xi măng là do UBND xã trực tiếp ký hợp đồng mua và cấp về để xây dựng đường bê tông bằng kinh phí của UBND thành phố cấp. Việc giao nhận xi măng do đơn vị vận chuyển giao trực tiếp cho đội xây dựng.

Trần Văn Q khai là người đã ký biên bản nghiệm thu vật liệu xây dựng trước khi đưa vào sử dụng ngày 20/9/2022 đã nghiệm thu chất lượng của 713 m^3 cát vàng, 1158 m^3 đá dăm 2x4, 400488 kg xi măng PCB30, 18,5 m^3 gỗ làm khe co giãn, 4620 kg nhựa đường tất cả đều đạt yêu cầu trong khi đó các vật liệu này đều chưa được vận chuyển đầy đủ về công trình, gỗ và nhựa đường làm khe co giãn không được sử dụng trong quá trình thi công.

Nguyễn Văn T1 khai là người đã trực tiếp ký tất cả các Biên bản nghiệm thu trong đó có biên bản nghiệm thu vật liệu xây dựng trước khi đưa vào sử dụng ngày 20/9/2022 với ông Trần Văn Q nêu trên. Nguyễn Văn T1 không trực tiếp thi công mà để Nguyễn Thị H2 phụ trách thi công nhưng lại trực tiếp ký vào các biên bản nghiệm thu và hồ sơ quyết toán với tư cách đại diện nhà thầu.

Nguyễn Thị H2 khai bản thân là người trực tiếp tiến hành thi công công trình đường G, xã P. Trước, trong khi thi công công trình thì H2 không ký kết hợp đồng với UBND xã P và Đội xây dựng địa phương xóm A, xã P mà chỉ hợp đồng bằng miệng với Trần Như N, Trần Văn Q, Nguyễn Văn T1 cử ra là người trực tiếp phụ trách tổ chức thi công công trình. H2 thực hiện việc thi công san lấp, đổ bê tông đường và mua vật liệu xây dựng (cát, đá, khuôn ván gỗ) để thi công công trình theo Báo cáo KTKT – Thiết kế công trình đã được phê duyệt. Các vật liệu xây dựng mà H2 mua không có hóa đơn, chứng từ mà chỉ ghi chép lại vào sổ cá nhân nhưng không đầy đủ. Việc thi công các khe co giãn được thực hiện bằng phương pháp cắt sau khi thi công đổ bê tông toàn bộ tuyến đường và không sử dụng ván gỗ làm khe co giãn và nhựa đường làm khe co giãn. Tuy nhiên, đến ngày 14/9/2023 sau khi làm việc với cơ quan Công an H2 đã tự mua nhựa đường về và đổ vào các khe co giãn của công trình. Các tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc nghiệm thu, quyết toán công trình Đường G, xã P năm 2022 là do H2 thuê kế toán ở ngoài làm hồ sơ (H2 không nhớ tên tuổi, địa chỉ, số điện thoại của người này). Ngày 27/12/2022, H2 đã được T1 chuyển số tiền 816.934.000 đồng (Tám trăm mười sáu triệu chín trăm ba mươi tư nghìn đồng) thanh toán cho việc thi công công trình trên.

Lời khai của Trần Như N, Trần Văn Q, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Thị H2 là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp lệ trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Trần Như N không thực hiện hết trách nhiệm của chủ đầu tư theo quy định của Điều 14, Nghị định 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Trần Văn Q đã không thực hiện đúng trách nhiệm của giám sát thi công xây dựng theo quy định của Điều 19, Nghị định 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị H2 không thực hiện đúng trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng theo quy định tại Điều 13, Nghị định 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Do công trình Đường G, xã P năm 2022 có nguồn vốn đầu tư Ngân sách Nhà nước hỗ trợ 80% giá trị công trình và huy động vốn góp hợp pháp khác (do nhân dân đóng góp) 20% giá trị công trình. Tuy nhiên, trên thực tế nhân dân không đóng góp tiền để xây dựng công trình trên, nên số tiền thiệt hại thực tế do hành vi của các bị cáo gây ra chỉ tính bằng 80% của số tiền 720.969.900 đồng (Bảy trăm hai mươi triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, chín trăm đồng) là 576.735.201 đồng (Năm trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm linh một đồng).

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 cây máy tính nhãn hiệu CMS, sê-ri: X938-666TNXM220250, quá trình điều tra xác định không có nội dung gì liên quan đến vụ án. Cây máy tính này là tài sản của UBND xã P, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho UBND

xã P quản lý sử dụng theo Quyết định xử lý đồ vật tài liệu số 1070/QĐ-CSĐT ngày 04/5/2024.

- 01 thùng cát tông ký hiệu Q1 bên trong có 01 quyển sổ có bìa màu đen và 01 quyển sổ có bìa màu đen, trên bìa có chữ màu vàng "Hội đồng nhân dân xã P, thị xã P, Thái Nguyên khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2019 kính tặng" tạm giữ khi khám xét phòng làm việc của Trần Văn Q.

- 01 thùng cát tông ký hiệu Q2 bên trong có 01 quyển sổ có bìa màu đen tạm giữ khi khám xét phòng làm việc của Trần Như N. Vật chứng hiện được chuyển đến kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Trần Như N, Trần Văn Q, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Thị H2 đã chủ động nộp tiền đảm bảo khắc phục xong toàn bộ hậu quả với số tiền 576.735.201 đồng (Năm trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm linh một đồng), trong đó: bị cáo Trần Như N và bị cáo Trần Văn Q bị cáo nộp số tiền 180.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn T1 nộp số tiền 140.000.000 đồng, tổng 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) theo ủy nhiệm chi số 210 ngày 08/7/2024 tại K1. Bị cáo Nguyễn Thị H2 nộp số tiền 76.735.201 đồng (Bảy mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn, hai trăm linh một đồng) theo biên lai thu số 0001715 ngày 26/6/2024 tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên.

Với hành vi nêu trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số 29/2025/HSST ngày 25/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã tuyên bố: Bị cáo Trần Như N, Trần Văn Q, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Thị H2 phạm tội "*Tội vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng*".

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 224; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Trần Như N 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Được trừ thời gian tạm giam từ ngày 24/01/2024 đến ngày 31/3/2024.

Ngoài ra tòa cấp sơ thẩm quyết định hình phạt đối với bị cáo Trần Văn Q, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Thị H2 xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo, các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Bản án hình sự sơ thẩm xử xong, ngày 08/4/2025 bị cáo Trần Như N kháng cáo xin hưởng án treo. Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Trong phần phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích đánh giá

tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới tại cấp phúc thẩm và các vấn đề liên quan đến kháng cáo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Như N sửa bản án sơ thẩm số 29/2025/HSST ngày 25/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên theo hướng giữ nguyên mức hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo không tranh luận, trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định và đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Hành vi của bị cáo Trần Như N đã đủ yếu tố cấu thành tội " *Tội vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng*" theo quy định tại d khoản 2 Điều 224 Bộ luật hình sự. Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh, điều luật trên là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt phạm tội lần đầu tại phiên tòa thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan tố tụng sớm kết thúc vụ việc; bản thân bị cáo cùng các bị cáo khác tự nguyện bồi thường khắc phục toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo đã nộp án phí hình sự sơ thẩm; Bằng khen, giấy khen của Chủ tịch UBND xã P, Giấy khen của Đảng bộ xã P, Kỷ niệm chương: Vì sự nghiệp khuyến học năm 2023; Vì sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc năm 2018; Bố đẻ của bị cáo là ông Trần Văn Đ được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; Ông nội là Trần Ỷ được Nhà nước tặng thưởng Bằng khen vì đã đóng góp công sức trong cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng của dân tộc; Bản thân gia đình bị cáo là gia đình văn hoá nhiều năm liên tục (2021 – 2023) nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do nôn nóng mong muốn các tổ dân phố trên địa bàn xã sớm có đường xá thông thương, thuận lợi cho việc đi lại để phát triển kinh tế của địa phương góp phần phát triển kinh tế trên địa bàn thành phố nên bị cáo có hành vi phạm tội như trên.

Với những phân tích đánh giá như trên, sau khi xem xét toàn diện vụ án Hội đồng xét xử xét thấy theo hướng dẫn tại các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự

về án treo, xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa bản án sơ thẩm giữ nguyên mức án cho bị cáo hưởng án treo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp thể hiện tính nhân văn cũng như sự khoan hồng của pháp luật giúp bị cáo tự cải tạo sớm trở thành công dân có ích cho gia đình, xã hội.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Ghi nhận bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Như N, sửa bản án sơ thẩm số 29/2025/HSST ngày 25/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (Nay là tòa án nhân dân khu vực 2 - Thái Nguyên).

1. Về hình phạt: Áp dụng d khoản 2 Điều 224; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sư

Xử phạt bị cáo Trần Như N 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội " *Tội vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng*"

Giao bị cáo Trần Như N cho Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Thái Nguyên quản lý, giáo dục, giám sát bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, theo quy định tại Điều 93 Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Như N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Ghi nhận bị cáo đã nộp 200.000 đồng tiền án phí sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước theo biên lai thu số 0000053 ngày 21/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

3. Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 2;
- TAND khu vực 2;
- THADS tỉnh TN;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Toà HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

DƯƠNG VĂN BẢN